

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Bản án số: 108/2024/DSST

Ngày 26-8-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên Tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Hiền và ông Đặng Song Hoàn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 389/2024/DSST ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐST-XX ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty T1 - Người đại diện theo pháp luật ông LEE YUN HYOUNG, chức danh Tổng giám đốc.

Địa chỉ: I P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L1

- Người đại diện theo pháp luật ông Cồ Lê H (văn bản ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC , ngày 02-5-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+ 3) L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Bá L(Văn bản ủy quyền 106/GUQ-2024, ngày 05-7-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+ 3) L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Thạch Thị Ngọc T, sinh năm 2001

Địa chỉ: 1 L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(vắng mặt đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2024 và qua quá trình làm việc, đại diện Công ty T1 “Tên viết tắt Công ty T1” trình bày:

Nội dung: Công ty T1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét giải quyết buộc chị Thạch Thị Ngọc T thanh toán toàn bộ khoản vay, bao gồm dư gốc, lãi và phí tạm tính đến ngày 20-8-2024 là 36.375.260đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi đồng).

Ngày 21-9-2022, Công ty T1 tên viết tắt là “Công ty T1” ký Hợp đồng tín dụng số: 3638738 về việc cấp tín dụng chị Thạch Thị Ngọc T với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng); trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 42% năm.

Theo đó, chị Thạch Thị Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.990.997 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 10-10-2022 đến ngày 10-9-2024.

Sau khi ký kết, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho chị T với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà chị T đã cung cấp. Qua đó, chị T có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T1 theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 24 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 10-6-2023 chị T đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía Công ty T1 mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ đề nghị chị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ phía chị T về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên.

Tính đến thời điểm hiện tại, chị Thạch Thị Ngọc T chỉ thanh toán được 09 kỳ với tổng số tiền 18.026.973 đồng (Mười tám triệu không trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng); trong đó nợ gốc trả được 7.619.088đ và nợ lãi là 10.407.885 đ.

Việc chị T cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà đôi bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1.

Tính đến ngày 20-8-2024, chị Thạch Thị Ngọc T đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau:

+ Số nợ gốc còn lại phải thanh toán: 22.380.912 đồng;

+ Số tiền lãi trong hạn và lãi chậm trả là: 13.994.348đ

Tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi yêu cầu bị đơn chị T phải trả là 36.375.260đ

Bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T không chấp hành theo giấy triệu tập làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu; chị T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu phát biểu:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về việc thụ lý, giải quyết vụ án dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Công ty T1 đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 đối với bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T1 được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTT1; mã số doanh nghiệp C; đăng ký lần đầu ngày 08-9-2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02-4-2024, kèm Giấy phép số 73/GP-NHNN, ngày 12-11-2021, thành lập và hoạt động Công ty T1, được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng N trong đó có hoạt động cho vay tiêu dùng.

Ngày 21-5-2022; Công ty T1 và chị Thạch Thị Ngọc T ký Hợp đồng tín dụng số 3638738 về việc cho chị T vay số tiền 31.980.000 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Mục đích vay vốn của chị T, vay tiêu dùng cho cá nhân; nay xảy ra tranh chấp xác định đây là vụ án Dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Theo địa chỉ ghi trên Hợp đồng tín dụng thì chị Thạch Thị Ngọc T cư trú tại số A L, phường C, thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 07-8-2024, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đưa vụ án ra xét xử bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên Tòa.

Nay phiên Tòa được mở lại bị đơn chị T vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan, vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điều b, khoản

1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn chỉ Thạch Thị Ngọc T.

Nguyên đơn Công ty T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng tới phiên xét xử do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn Công ty T1.

[2] Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn Công ty T1 yêu cầu bị đơn chỉ Thạch Thị Ngọc T trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20-8-2024 là 36.375.260đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi đồng) trong đó:

+ Nợ gốc 22.380.912đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn: 13.538.335đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 456.013đ (Bốn trăm năm mươi sáu ngàn không trăm mười ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày chị Thạch Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ.

[3] Xét hiệu lực của Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 3638738, ngày 21-9-2022; Hội đồng xét xử nhận định: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 kèm theo các tài liệu chứng cứ có đủ cơ sở để nhận định:

Ngày 21-9-2022, chị Thạch Thị Ngọc T có giao kết với Công ty T1 Hợp đồng tín dụng số 3638738; xét hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của Công ty T1 và chị Thạch Thị Ngọc T tự nguyện giao kết.

Tuy chị T không trực tiếp ký tên vào Hợp đồng nhưng có giao kết hợp đồng dưới hình thức chữ ký số do chị T đã đăng ký loại chứng thư số OID-B1.0 -1D do trung tâm D chứng nhận.

Xét thấy; theo Điều 8 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định về giá trị của chữ ký số như sau: “ Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP. Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

“ Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số đó”;

“ Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chức sau đây cấp:

- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Chính phủ;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chữ ký số của chị Thạch Thị Ngọc T đăng ký và được Trung tâm D cung cấp. Công ty TNHH H1 là đơn vị được thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT- CA, theo giấy phép cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng 527/GP-BTTTT, ngày 12-10-2015, của Bộ T2 nên chữ ký số bà P đăng ký có giá trị pháp lý.

Xét về nội dung của Hợp đồng tín dụng số 36387388, ngày 21-9-2022 không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý trí tự nguyện của các bên giao kết, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự ; Điều 122, Điều 123 và Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015; do đó, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3638738, ngày 21-9-2022 giao kết giữa chị Thạch Thị Ngọc T với Công ty T1 có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20-8-2024 là 36.375.260đ(Ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi đồng) trong đó:

+ Nợ gốc gốc 22.380.912đ(Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi trong hạn và quá hạn: 13.538.335đ(Mười ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 456.013đ(Bốn trăm năm mươi sáu ngàn không trăm mười ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày chị Thạch Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy; trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng. Bị đơn chị T chưa trả được nợ gốc; nợ lãi theo như hợp đồng hai bên đã giao kết. Chị T mới trả được 09 kỳ là 18.026.973 đồng (Mười tám triệu không trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng); trong đó nợ gốc trả được 7.619.088đ(Bảy triệu sáu trăm mười chín ngàn không trăm tám mươi tám đồng) và nợ lãi là 10.407.885 đ(Mười triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng).

Bị đơn bị đơn chị T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ do bị đơn chị T nắm giữ.

[5] Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 đối với bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T; buộc bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T phải trả số tiền 36.375.260đ(Ba mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi đồng) cho nguyên đơn Công ty T1 tính đến ngày 20-8-2024.

Trong đó:

+ Nợ gốc gốc 22.380.912đ(Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi trong hạn và quá hạn: 13.538.335đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 456.013đ (Bốn trăm năm mươi sáu ngàn không trăm mười ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3638738, ngày 21-9-2022 tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày chị Thạch Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn Công ty T1.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T có lỗi hoàn toàn nên phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm;

Cách tính án phí: (Từ 6.000.000đ đến 400.000.000đ phải chịu 5% giá trị tài sản tranh chấp).

Về án phí DDST: Bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T phải chịu là 1.818.763đ (Một triệu tám trăm mười tám ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Nguyên đơn Công ty T1 được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000254, ngày 27-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 8, Điều 27 và Điều 73 Luật tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2024; khoản 02 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 13.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 đối với bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T.

[1.1] Buộc chị Thạch Thị Ngọc T phải trả cho Công ty T1 số tiền là 31.659.593đ (Ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn năm trăm chín mươi ba đồng), tính đến ngày 20-8-2024;

Trong đó:

+ Nợ gốc gốc 22.380.912đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng);

+ Nợ lãi trong hạn và quá hạn: 13.538.335đ (Mười ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn hai trăm ba mươi lăm đồng);

+ Nợ lãi chậm trả: 456.013đ (Bốn trăm năm mươi sáu ngàn không trăm mười ba đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 3638738 ngày 21-9-2022 tính từ ngày 21-8-2024 đến ngày chị Thạch Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn Công ty T1.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[2.1] Bị đơn chị Thạch Thị Ngọc T phải chịu 1.818.763đ (Một triệu tám trăm mười tám ngàn bảy trăm sáu mươi ba đồng).

[2.2] Nguyên đơn Công ty T1 được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 800.000đ(Tám trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000254 ngày 27-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh BR-VT
- Viện kiểm sát ND Tp-VT
- Thi hành án dân sự Tp- VT
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc